

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo viên là một trong những nhân tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Do vậy, Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên. Một trong những nội dung được chú trọng trong công tác này là bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên.

BDTX chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên là một trong những mô hình nhằm phát triển nghề nghiệp liên tục cho giáo viên và được xem là mô hình có ưu thế giúp số đông giáo viên được tiếp cận với các chương trình phát triển nghề nghiệp.

Tiếp nối chu kì II, chu kì III BDTX giáo viên mầm non, phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng chương trình BDTX giáo viên và quy chế BDTX giáo viên theo tinh thần đổi mới nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác BDTX giáo viên trong thời gian tới. Theo đó, các nội dung BDTX chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên đã được xác định, cụ thể là:

- Bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học theo cấp học (nội dung bồi dưỡng 1);
- Bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục địa phương theo năm học (nội dung bồi dưỡng 2);
- Bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục của giáo viên (nội dung bồi dưỡng 3).

Theo đó, hằng năm mỗi giáo viên phải xây dựng kế hoạch và thực hiện ba nội dung BDTX trên với thời lượng 120 tiết, trong đó: nội dung bồi dưỡng 1 và 2 do các cơ quan quản lý giáo dục các cấp chỉ đạo thực hiện và nội dung bồi dưỡng 3 do giáo viên lựa chọn để tự bồi dưỡng nhằm phát triển nghề nghiệp liên tục của mình.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Chương trình BDTX giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên với cấu trúc gồm ba nội dung bồi dưỡng trên. Trong đó, nội dung bồi dưỡng 3 đã được xác định và thể hiện dưới hình thức các module bồi dưỡng làm cơ sở cho giáo viên tự lựa chọn nội dung bồi dưỡng phù hợp để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hằng năm của mình.

Để giúp giáo viên tự học, tự bồi dưỡng là chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao cho Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục chủ trì xây

dụng bộ tài liệu gồm các module tương ứng với nội dung bồi dưỡng 3 nhằm phục vụ công tác BDTX giáo viên tại các địa phương trong cả nước. Ở mỗi cấp học, các module được xếp theo các nhóm tương ứng với các chủ đề trong nội dung bồi dưỡng 3.

Mỗi module bồi dưỡng được biên soạn như một tài liệu hướng dẫn tự học, với cấu trúc chung gồm:

- Xác định mục tiêu cần bồi dưỡng theo quy định của Chương trình BDTX giáo viên;
- Hoạch định nội dung giúp giáo viên thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng;
- Thiết kế các hoạt động để thực hiện nội dung;
- Thông tin cơ bản giúp giáo viên thực hiện các hoạt động;
- Các công cụ để giáo viên tự kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng.

Tuy nhiên, do đặc thù nội dung của từng lĩnh vực cần bồi dưỡng theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên nên một số module có thể có cấu trúc khác.

Tài liệu được thiết kế theo hình thức tự học, giúp giáo viên có thể học ở mọi lúc, mọi nơi. Bằng các hoạt động học tập chủ yếu trong mỗi module như: đọc, ghi chép, làm bài thực hành, bài tập tự đánh giá, bài kiểm tra nhanh, bài tập tình huống, tóm lược và suy ngẫm,... giáo viên có thể tự lĩnh hội kiến thức cần bồi dưỡng, đồng thời có thể thảo luận những vấn đề đã tự học với đồng nghiệp và tận dụng cơ hội để áp dụng kết quả BDTX trong hoạt động giảng dạy và giáo dục của mình.

Các tài liệu BDTX này sẽ được bổ sung thường xuyên hàng năm để ngày càng phong phú hơn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp đa dạng của giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông và giáo viên tại các trung tâm giáo dục thường xuyên trong cả nước.

Bộ tài liệu này lần đầu tiên được biên soạn nên rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các giáo viên, các cán bộ quản lý giáo dục các cấp để tác giả cập nhật, bổ sung tài liệu ngày một hoàn thiện hơn.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo (Toà nhà 8C – Ngõ 30 – Tạ Quang Bửu – P. Bách Khoa – Q. Hai Bà Trưng – TP. Hà Nội) hoặc Nhà xuất bản Đại học Sư phạm (136 – Xuân Thủy – P. Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy – TP. Hà Nội).

Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo

NGUYỄN ĐỨC SƠN

MODULE THPT

1

**ĐẶC ĐIỂM TÂM LÍ
CỦA HỌC SINH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Năng lực hiểu học sinh là năng lực thiết yếu trong dạy học và giáo dục. Người giáo viên chỉ có thể lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học và giáo dục có hiệu quả khi hiểu được các đặc điểm tâm lý của học sinh. Mỗi giai đoạn xã hội – lịch sử, tâm lý của học sinh có những điểm khác biệt nhất định, do vậy việc hiểu các đặc điểm tâm lý của học sinh thật không dễ dàng. Tuy vậy, trong quá trình phát triển tâm lý lứa tuổi, sự vận động, biến đổi của những mặt cơ bản luôn diễn ra theo những chiều hướng nhất định, có tính quy luật. Nhờ đó, việc nắm vững các chiều hướng vận động và phát triển tâm lý của học sinh, đặc biệt các vấn đề nổi bật của từng giai đoạn lứa tuổi có thể giúp người giáo viên có được các điểm mốc để xem xét và nhận biết tâm lý học sinh trong những bối cảnh xã hội khác nhau.

Với định hướng đó, module này sẽ làm rõ hoàn cảnh xã hội của sự phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông, các đặc điểm tâm lý của học sinh trung học phổ thông về các mặt: nhận thức – trí tuệ, tình cảm, nhân cách. Các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý của lứa tuổi này cũng được đề cập đến.



B. MỤC TIÊU TÀI LIỆU

Sau khi học xong module này, người học có thể:

- Xác định được hoàn cảnh xã hội của sự phát triển tâm lý học sinh trung học phổ thông, vị trí, vai trò của giai đoạn lứa tuổi trung học phổ thông trong toàn bộ quá trình phát triển tâm lý của cá nhân.
- Nắm được các đặc điểm tâm lý của học sinh trung học phổ thông ở các phương diện: nhận thức – trí tuệ, tình cảm – ý chí, nhân cách; một số vấn đề tâm lý nổi bật của giai đoạn lứa tuổi trung học phổ thông (các vấn đề về quan hệ giới tính: tình dục; căng thẳng tâm lý; một số các rối nhiễu có thể có: chống đối xã hội, tự tử, lạm dụng chất...).
- Vận dụng các đặc điểm tâm lý của học sinh trung học phổ thông để tổ chức dạy học và giáo dục có hiệu quả.
- Có thái độ khách quan và khoa học trong việc nhìn nhận, đánh giá học sinh trung học phổ thông.

Hoạt động

- 1) Thời kì trung học phổ thông trong toàn bộ quá trình phát triển tâm lí cá nhân: Chia thành các hoạt động nhỏ
 - + Xác định giới hạn độ tuổi trung học phổ thông: Những cách xác định khác nhau.
 - + Xác định hoàn cảnh xã hội của sự phát triển.
 - + Các dạng hoạt động mới: Hoạt động học tập, hoạt động xã hội.
 - + Ý nghĩa của giai đoạn trung học phổ thông trong toàn bộ cuộc đời cá nhân.
- 2) Nhận thức và trí tuệ của học sinh trung học phổ thông
 - + Nhận biết các kiểu trí tuệ, các giai đoạn phát triển trí tuệ.
 - + Đặc điểm nhận thức và phát triển trí tuệ ở học sinh trung học phổ thông.
- 3) Đời sống tình cảm – ý chí của học sinh trung học phổ thông
 - + Tình cảm ở học sinh trung học phổ thông: Một số tình cảm cấp cao (tình cảm thẩm mĩ, tình cảm đạo đức, tình cảm trí tuệ) tình bạn, tình yêu.
 - + Đặc điểm ý chí của học sinh trung học phổ thông.
- 4) Các đặc điểm nhân cách của học sinh trung học phổ thông
 - + Tự ý thức và hình thành “cái tôi” của học sinh trung học phổ thông.
 - + Định hướng giá trị của học sinh trung học phổ thông.
 - + Tự xác định xã hội – hình thành thế giới quan và “kế hoạch cuộc đời”.
 - + Tính tích cực xã hội của học sinh trung học phổ thông: các vai xã hội và hoạt động xã hội.
- 5) Một số vấn đề tâm lí ở học sinh trung học phổ thông: Tình dục, căng thẳng tâm lí, chống đối xã hội, tự tử, lạm dụng chất gây nghiện...

Hoạt động tổng kết



C. NỘI DUNG

Nội dung 1

THỜI KÌ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG TOÀN BỘ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CÁ NHÂN

MỤC TIÊU

Hoạt động này giúp người học nắm được những đặc điểm, tính chất của các mối quan hệ tạo ra hoàn cảnh xã hội cho sự phát triển tâm lý ở tuổi học sinh trung học phổ thông. Người học có thể hiểu được vị trí của giai đoạn lứa tuổi trung học phổ thông, bối cảnh xã hội, các yếu tố ảnh hưởng tới diễn biến tâm lý của lứa tuổi này, từ đó có được những định hướng cho việc tiếp cận và tìm hiểu tâm lý của học sinh trung học phổ thông.

TEST ĐẦU VÀO

Hoạt động này được bắt đầu với việc học viên nhớ lại và kể tên các giai đoạn trong toàn bộ quá trình phát triển tâm lý của cá nhân.

- 1) Theo sự phân chia của Tâm lý học, toàn bộ quá trình phát triển tâm lý cá nhân được chia thành bao nhiêu thời kì? Tên gọi của mỗi thời kì?
- 2) Tên gọi của mỗi thời kì có thể gợi ý những điều gì về đặc điểm tâm lý nổi bật của mỗi lứa tuổi?

NỘI DUNG

Tâm lý học phân chia toàn bộ quá trình phát triển tâm lý cá nhân thành các thời kì (hay các giai đoạn), mỗi giai đoạn được xác định bởi các dấu mốc tương đối về thời gian. Có nhiều cách phân chia các thời kì tùy thuộc vào các tiêu chí của mỗi tác giả, tuy nhiên hiện nay một cách phân chia được chấp nhận rộng rãi như sau:

- Tuổi hài nhi: 0 – 1 tuổi.
- Tuổi ấu nhi: 1 – 3 tuổi.
- Tuổi mẫu giáo: 3 – 6 tuổi.
- Tuổi nhi đồng: 6 – 11, 12 tuổi.
- Tuổi thiếu niên: 11, 12 – 13, 14.
- Tuổi thanh niên: 14, 15 – 25.

- Tuổi trưởng thành: 25 – 40.

Điểm phân biệt về bản chất giữa các giai đoạn chính là những đặc trưng tâm lý phổ biến ở độ tuổi đó được hình thành trên cơ sở hoạt động chủ đạo.

Hoạt động 1. Xác định giới hạn độ tuổi trung học phổ thông.

Bạn đã từng đọc những tài liệu viết về tâm lý tuổi học sinh trung học phổ thông, đã có nhiều trải nghiệm về lứa tuổi này, hãy nhớ lại và viết ra hiểu biết của mình, bằng cách trả lời một số câu hỏi sau đây:

Câu 1. Theo phân định của tâm lý học, tuổi học sinh trung học phổ thông trùng với độ tuổi nào?

Câu 2. Dấu mốc về thời gian của tuổi học sinh trung học phổ thông?

Bạn hãy đối chiếu ra những nội dung vừa viết ra với những thông tin dưới đây và tự hoàn thành nội dung trả lời các câu hỏi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Dựa trên các giai đoạn lứa tuổi nêu ở phần trên, có những cách xác định tuổi trung học phổ thông khác nhau:

- Tuổi vị thành niên bao hàm cả tuổi thiếu niên và tuổi đầu thanh niên: từ 10, 12 tuổi đến 19 tuổi. Như vậy, theo cách phân định này, tuổi trung học phổ thông nằm trong độ tuổi vị thành niên và là giai đoạn cuối của tuổi vị thành niên.

- Tuổi thanh niên là tuổi chuyển tiếp từ tuổi thơ sang tuổi trưởng thành, bao gồm cả tuổi thiếu niên (giai đoạn sớm của thanh niên), bắt đầu từ thiếu niên và kết thúc khi bước vào tuổi trưởng thành. Theo cách này, học sinh trung học phổ thông là giai đoạn giữa của tuổi thanh niên.

Theo cách xác định phổ biến và được thừa nhận trong tâm lý học, tuổi thanh niên được xác định từ 15 đến 25 tuổi, với hai thời kì:

- Tuổi đầu thanh niên: từ 15 đến 18 tuổi (còn gọi là thanh niên học sinh).
- Thanh niên trưởng thành từ 18 đến 25 tuổi.

Dấu mốc về thời gian của tuổi thanh niên rất đặc biệt với tính tương đối của chúng. Điểm bắt đầu độ tuổi này nằm ở mặt chất lượng phát triển cơ thể: sau khi kết thúc dậy thì, tức là học sinh có được sự trưởng thành và hoàn thiện về cơ thể. Điểm mốc bắt đầu này có thể dịch chuyển ngày một sớm hơn cùng với gia tốc phát triển về mặt sinh học – tốc độ phát triển cơ thể ngày càng nhanh do sự cải thiện của điều kiện sống và đời sống xã hội. Ngược lại, dấu mốc kết thúc của tuổi thanh niên và bắt đầu của tuổi trưởng thành cũng ít xác định bởi tính chất xã hội của thời điểm trưởng thành.

Như vậy, lứa tuổi học sinh trung học phổ thông nằm trong thời kì đầu của tuổi thanh niên hay còn gọi là thanh niên học sinh.

Hoạt động 2. Xác định hoàn cảnh xã hội của sự phát triển.

Bạn hãy viết ra suy nghĩ, hiểu biết của mình để trả lời một số câu hỏi sau:

Câu 1. Bạn hiểu thế nào là hoàn cảnh xã hội của sự phát triển? Đặc điểm quan trọng trong hoàn cảnh xã hội của học sinh trung học phổ thông

là gì? Nhà giáo dục cần phải biết làm gì để tìm hiểu tâm lý học sinh?

- Hoàn cảnh xã hội của sự phát triển là:

- Đặc điểm quan trọng trong hoàn cảnh xã hội của học sinh trung học phổ thông là:

- Để tìm hiểu tâm lí học sinh, nhà giáo dục cần:

Câu 2. Quan hệ của học sinh trung học phổ thông với gia đình có điểm gì đặc biệt? Phụ huynh cần có thái độ như thế nào trong ứng xử với con ở độ tuổi trung học phổ thông?

- Đặc điểm nổi bật trong quan hệ của học sinh trung học phổ thông với gia đình:

- Thái độ cần phải có ở phụ huynh trong ứng xử với con ở độ tuổi trung học phổ thông:

Câu 3. Quan hệ của học sinh trung học phổ thông với bạn bè có điểm gì nổi bật? Giáo viên cần có thái độ như thế nào với các nhóm bạn của học sinh trung học phổ thông?

- Đặc điểm nổi bật trong quan hệ với bạn bè của học sinh trung học phổ thông:

- Thái độ của giáo viên đối với những nhóm bạn của học sinh trung học phổ thông:

Câu hỏi 4. Quan hệ xã hội của học sinh trung học phổ thông có điểm gì nổi bật? Học sinh trung học phổ thông có khả năng nhận biết các quan hệ xã hội của bản thân không?

- Đặc điểm nổi bật trong quan hệ xã hội của học sinh trung học phổ thông:

- Khả năng nhận biết các quan hệ xã hội của học sinh trung học phổ thông:

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết ra với thông tin dưới đây và tự hoàn thành nội dung trả lời các câu hỏi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Khái niệm hoàn cảnh xã hội của sự phát triển: Hoàn cảnh xã hội của sự phát triển được hiểu là tổ hợp các mối quan hệ và tính chất các mối quan hệ môi mà trẻ tham gia vào cũng như tính chất của sự tương tác giữa trẻ với các quan hệ xã hội đó. Hoàn cảnh xã hội của sự phát triển, do vậy, không chỉ được hiểu đơn giản là các điều kiện bên ngoài thể hiện trong các mối quan hệ xã hội và sự tác động của các yếu tố bên ngoài mà phải hiểu là sự tác động của các điều kiện bên ngoài thông qua các thuộc tính tâm lý bên trong xuất hiện trước đó, bao gồm cả các đặc điểm lứa tuổi và sự tác động của chủ thể tới các điều kiện đó.

Ở các thời kì phát triển lứa tuổi, hoàn cảnh xã hội của sự phát triển được thể hiện ở các mối quan hệ và tính chất các mối quan hệ cơ bản của cá nhân: quan hệ gia đình, quan hệ bạn bè, quan hệ với giáo viên, quan hệ xã hội. Đặc biệt cần chú ý tới sự tương tác của học sinh trong những mối quan hệ này. Thông qua sự tương tác của học sinh với các chủ thể khác trong các mối quan hệ đó mà hoàn cảnh xã hội có thể tác động theo các chiều hướng khác nhau đối với sự phát triển tâm lý của học sinh: tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển hoặc làm phát sinh các trở ngại đối với sự phát triển.

Đặc trưng lớn nhất của hoàn cảnh xã hội của sự phát triển ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông là các quan hệ có tính mở và sự chuyển đổi vai trò và vị thế xã hội. Đặc trưng này được thể hiện cụ thể như sau:

Ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông, các mối quan hệ ít tính mâu thuẫn hơn so với độ tuổi trước đó. Quan hệ với cha mẹ, thầy cô, bạn bè đã trở nên thuận lợi hơn do sự trưởng thành nhất định trong nhận thức của học sinh và sự thay đổi trong cách nhìn nhận của người lớn. Tuy vậy, tính chất ít xác định về quan hệ xã hội vẫn còn. Một mặt học sinh đã có những sự độc lập nhất định trong tư duy, trong hành vi ứng xử, mặt khác học sinh lại chưa có được sự độc lập về kinh tế do vẫn phụ thuộc vào gia đình.

- + Quan hệ với phụ huynh. Trong gia đình, học sinh có thể có được quan hệ tương đối dân chủ hơn, được tôn trọng và lắng nghe. Học sinh có thể tự quyết định một số vấn đề của bản thân hoặc được tham gia vào việc ra các quyết định đó như lựa chọn nghề nghiệp, học hành, tình cảm. Việc can thiệp trực tiếp theo kiểu “ra lệnh”, “ép buộc” của cha mẹ với trẻ không phù hợp và cũng không thể hiệu quả nữa. Gần đây có sự kiện học sinh trung học phổ thông tự tử vì cha mẹ ép buộc lựa chọn nghề em không yêu thích. Điều này cho thấy nhu cầu được thực hiện các mong muốn, ý định của bản thân ở học sinh trung học phổ thông rất mạnh, người lớn cần hiểu điều này để có thể ứng xử phù hợp. Sự tôn trọng và trò chuyện của phụ huynh với học sinh có thể tạo được mối quan hệ tốt giữa cha mẹ và con cái. Sự tin cậy, thẳng thắn từ phía phụ huynh giúp các em có thể nhanh chóng trưởng thành theo chiều hướng tích cực. Mức độ đồng nhất hoá của học sinh với cha mẹ ở tuổi này thấp hơn ở trẻ nhỏ. Nói đơn giản, tấm gương của cha mẹ không được chấp nhận một cách tuyệt đối và không phê phán như ở trẻ nhỏ. Học sinh đã có khả năng nhất định trong việc nhìn nhận đánh giá hành vi của cha mẹ và đôi khi có thể bộc lộ thái độ phê phán một số hành vi nào đó. Do vậy, việc phụ huynh áp đặt các hành vi và cách suy nghĩ của mình có thể gây ra phản ứng của các em. Học sinh lớn chủ yếu mong muốn cha mẹ là những người bạn, người “có vấn” bởi bên cạnh mong muốn và xu hướng tự lập học sinh vẫn rất cần đến những kinh nghiệm sống và sự giúp đỡ của người lớn. Những người cha mẹ tốt vẫn là những khuôn mẫu hành vi quan trọng đối với trẻ. Nếu thiếu sự định hướng và những khuôn mẫu hành vi từ phía cha mẹ, các em có thể tìm kiếm các khuôn mẫu khác ngoài môi trường gia đình để làm theo bởi các mối quan hệ xã hội và khả năng tiếp xúc với những người khác đã mở rộng hơn.
- + Trong quan hệ với bạn bè, học sinh trung học phổ thông có thể tham gia vào nhiều nhóm bạn đa dạng hơn. Nhóm bạn có các định hướng giá trị rõ rệt hơn và có điều kiện tồn tại lâu dài hơn. Đặc điểm này không rõ ở học sinh trung học cơ sở. Học sinh trung học phổ thông có thể vừa tham gia vào các nhóm có tổ chức như lớp học, chi đoàn vừa tham gia vào các nhóm bạn bè tự phát, trong đó có những nhóm thường xuyên, ổn định và các nhóm tạm thời tình huống. Các nhóm thường xuyên có sự phân hoá vai trò ổn định hơn và một số trường hợp có sự cố kết rất mạnh,

ví dụ các nhóm bộ tam, bộ tứ... các nhóm này hình thành do nhiều lí do, tuy nhiên lí do lớn nhất là sự thân thiện, chia sẻ và đồng cảm lẫn nhau.

Yếu tố vị thế trong nhóm có ảnh hưởng nhiều đến học sinh. Vị thế không thuận lợi trong các nhóm có tổ chức (không được các bạn thừa nhận, không được nhìn nhận tích cực từ các bạn, không có bạn để chia sẻ, không có điều kiện để được thể hiện hay khẳng định bản thân...) dễ làm các em rơi vào vòng ảnh hưởng xấu từ các nhóm bạn bên ngoài. Một trong số các nguyên nhân dẫn tới việc học sinh tham gia vào các nhóm bên ngoài là nhóm được tổ chức một cách chính thức trong nhà trường không đủ sức hấp dẫn và không giúp thoả mãn các nhu cầu tâm lí xã hội của học sinh. Do vậy, tổ chức các nhóm hoạt động cho học sinh có hiệu quả chính là một trong những nhiệm vụ quan trọng và khó khăn của người làm công tác giáo dục.

Trong các nhóm bạn, nhu cầu giao tiếp – một nhu cầu lớn ở thanh niên học sinh – có điều kiện để được thoả mãn. Khi mà các hình thức tổ chức giao tiếp trong nhà trường khá hạn chế thì nhóm bạn là nơi có được sự thu hút rất lớn đối với học sinh thanh niên. Ở đây, học sinh có thể bày tỏ thoải mái các ý tưởng của mình, chia sẻ các vấn đề học sinh quan tâm... Sự gặp gỡ, tiếp xúc có thể đem lại những xúc cảm tích cực ở thanh niên. Trong xã hội hiện nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, việc tham gia vào các nhóm trên mạng, “nhóm ảo” trở nên rất phổ biến. Đây là một môi trường nhóm hết sức phức tạp với những ưu thế vượt trội so với các nhóm tồn tại thật xung quanh học sinh như tính mở của nhóm, tính độc lập của các thành viên, tính đa chiều của các quan điểm, sự tự do bày tỏ suy nghĩ... Bên cạnh đó, các nhóm ảo cũng chứa đựng nhiều thách thức, rủi ro chưa thể hình dung trước đối với học sinh.

Việc tham gia vào các nhóm tự phát đôi khi còn thể hiện “tính hiện đại” của thanh niên. Sự tôn sùng một kiểu ăn mặc, một phong cách của nhóm thanh niên cho họ cảm giác họ thuộc về một nhóm nổi bật so với những cá nhân riêng lẻ khác.

Trong các nhóm bạn bè, nhu cầu tạo ra sự khác biệt rất lớn và được bộc lộ rõ ràng. Một nhóm học sinh muốn mình khác biệt với người lớn, muốn mình khác với các nhóm bạn khác nên có thể hình thành một mốt chung, một thần tượng chung, một cách sử dụng ngôn ngữ chung

nào đó. Những điều này làm cho học sinh được nhìn nhận không thiện cảm từ phía người lớn, tuy vậy tạo ra cái gì đó “của mình” khác với người trưởng thành là nhu cầu bên trong của thanh niên, việc dẹp bỏ chúng là không hợp quy luật. Chính vì vậy quan hệ bạn bè, nhóm có thể ảnh hưởng rất mạnh đến tâm lý của học sinh.

- + Các quan hệ xã hội. Học sinh trung học phổ thông có điều kiện để tham gia vào nhiều quan hệ xã hội đa dạng và phức tạp hơn. Xuất hiện nhiều vai trò xã hội mới mà trước đây các em chưa có. Học sinh đang trở thành một công dân, có các quyền và nghĩa vụ nhất định, phải chịu trách nhiệm về hành vi của bản thân (ví dụ: các hành vi hình sự...). Vị trí xã hội của học sinh trung học phổ thông không đồng nhất. Giai đoạn đầu của tuổi thanh niên (14,15 – 18) còn được gọi là giai đoạn cuối của quá trình “xã hội hoá ban đầu”. Đại đa số thanh niên còn là học sinh.

Như vậy, tính Mở trong hoàn cảnh xã hội tạo điều kiện cho sự mở rộng và thay đổi tính chất của các mối quan hệ. Đây là điều kiện tương đối thuận lợi cho sự phát triển của học sinh, nó cho phép học sinh có thể bộc lộ tính tích cực cao hơn, bộc lộ những cái riêng của bản thân. Nhưng hoàn cảnh xã hội này cũng tiềm ẩn những thách thức và rủi ro nhất định đối với học sinh.

Hoạt động 3. Các dạng hoạt động: hoạt động học tập, hoạt động xã hội.

Bạn đã từng tổ chức hoạt động học tập, hoạt động xã hội cho học sinh, đã đọc các tài liệu về đặc điểm các hoạt động này của học sinh trung học phổ thông. Bạn hãy nhớ lại và viết ra suy nghĩ, hiểu biết của mình bằng cách trả lời hai câu hỏi sau đây:

Câu 1. Đặc điểm hoạt động học tập của học sinh trung học phổ thông như thế nào?

Câu 2. Đặc điểm hoạt động xã hội của học sinh trung học phổ thông như thế nào?

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện nội dung trả lời các câu hỏi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông, hoạt động học tập có những điểm khác biệt cơ bản với hoạt động học tập ở lứa tuổi thiếu niên. Hoạt động học tập có động cơ gắn liền với việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Học sinh cũng ý thức rõ hơn về động cơ học tập của bản thân. Hệ quả của điều này là tính thực dụng của việc học cũng rõ nét hơn. Học sinh có xu hướng bỏ qua, ít quan tâm đến các môn học không phục vụ trực tiếp cho mục đích thi vào các trường Cao Đẳng, Đại học. Do vậy, việc ít chú ý đến môn học này hay môn học khác không hẳn là sự coi thường thầy cô hay coi thường môn học mà đơn giản là sự lựa chọn mang tính thực dụng của học sinh. Đặc điểm này có thể coi là đặc điểm mang “tính lịch sử” trong toàn bộ lịch sử đường đời của mỗi cá nhân. Nhìn rộng hơn, hiện tượng này là sự phản ánh của cả xã hội. Rõ ràng, khó có thể khắc phục chỉ bằng cách thuyết phục hay cổ vũ chung chung mà phải có sự điều chỉnh mang tính hệ thống.

Bên cạnh hoạt động học tập, hoạt động xã hội cũng dần có vai trò lớn hơn. Học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội như là biểu hiện về sự trưởng thành dần về nhân cách – công dân. Đây là hoạt động có nhiều ý nghĩa, một mặt giúp cho học sinh có sự trưởng thành về ý thức công dân, mặt khác giúp học sinh thể hiện được các quan điểm, thái độ của bản thân trước các vấn đề xã hội. Gần đây những hoạt động như ủng hộ Trường Sa trên mạng, các hoạt động bảo vệ môi trường thể hiện rất rõ điều này. Tạo điều kiện, khuyến khích các hoạt động xã hội tích cực chính là cách thức quan trọng để phát triển và hình thành nhân cách lành mạnh cho học sinh.

Hoạt động 4. Ý nghĩa của giai đoạn trung học phổ thông trong toàn bộ cuộc đời của cá nhân.

Bạn có thể viết một cách khái quát ý nghĩa của giai đoạn tuổi trung học phổ thông trong toàn bộ cuộc đời của cá nhân.

Sau đó bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để tăng thêm hiểu biết về ý nghĩa của giai đoạn tuổi học sinh trung học phổ thông trong toàn bộ cuộc đời con người.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Giai đoạn này có sự chưa trùng khớp giữa sự phát triển cá thể và giai đoạn đường đời. Sự phát triển cá thể (sinh học) đạt tới mức trưởng thành, trong khi sự trưởng thành về xã hội – nhân cách đòi hỏi phải có thêm

thời gian. Sự chưa trùng khớp này cũng làm nảy sinh một số vấn đề như tồn tại một số các hành vi chưa phù hợp với các chuẩn mực xã hội ở học sinh. Học sinh chưa hoàn toàn làm chủ được hành vi của bản thân, việc chủ động và tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội còn hạn chế. Học sinh ở lứa tuổi này đứng trước một quyết định quan trọng của cuộc đời: lựa chọn nghề nghiệp tương lai. Đây thực sự là một thử thách lớn.

Tính dị thời trong lứa tuổi quá độ có thể làm nảy sinh những mâu thuẫn cơ bản trong tâm lý của thanh niên.

Tuổi đầu thanh niên là tuổi của những người đang lớn nhưng chưa thành người lớn, những người thu nhận nhiều thông tin nhưng chưa phải là người uyên bác, những người ham mê nhưng chưa phải là say mê – đây là đặc điểm lứa tuổi của thanh niên mới lớn.

THỰC HÀNH HOẠT ĐỘNG 1

Thảo luận: Hãy xác định sự khác biệt giữa học sinh trung học phổ thông hiện nay và thế hệ các anh (chị), khi anh (chị) ở vào độ tuổi đó. Giải thích tại sao có sự khác biệt đó.

Nội dung 2

NHẬN THỨC VÀ TRÍ TUỆ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

MỤC TIÊU

Hoạt động này giúp người học nắm được những quan niệm khác nhau về trí tuệ, xác định được sự phát triển nhận thức của học sinh, từ đó có định hướng thích hợp cho việc dạy học, phát triển năng lực cho học sinh hay định hướng cho học sinh chọn nghề.

TEST ĐẦU VÀO

- 1) Từ kinh nghiệm dạy học của bản thân, hãy cho biết anh chị thường xác định trình độ nhận thức của học sinh bằng cách nào? Theo các tiêu chí nào?
- 2) Anh (chị) thường quan tâm đến các năng lực trí tuệ nào của học sinh trong môn học mà anh/ chị giảng dạy? Tại sao anh/ chị quan tâm đến các năng lực trí tuệ đó?

Vai trò của dạy học đối với sự phát triển trí tuệ đã được thừa nhận rộng rãi trong khoa học giáo dục. Hình thức, tính chất, phương pháp tổ chức

dạy học có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển trí tuệ. Cùng với sự phát triển của khoa học tâm lí, khái niệm trí tuệ đã có nhiều thay đổi, cách định dạng trí tuệ ngày càng đa dạng hơn. Do vậy, việc dạy học nhằm thúc đẩy sự phát triển các năng lực trí tuệ và nhận thức của học sinh cũng dần thay đổi theo.

Hoạt động 1. Nhận biết các kiểu trí tuệ, các giai đoạn phát triển trí tuệ.

Trong sách báo, trong cuộc sống hàng ngày, người ta thường nói đến trí tuệ. Vậy trí tuệ là gì? Các giai đoạn phát triển của trí tuệ? Học sinh trung học phổ thông nằm trong giai đoạn nào của sự phát triển trí tuệ? Bạn hãy viết ra suy nghĩ, cách hiểu của mình để trả lời những câu hỏi đó.

– Trí tuệ là:

– Các giai đoạn phát triển trí tuệ:

– Học sinh trung học phổ thông nằm trong giai đoạn:

- Ý nghĩa của giai đoạn đó:

- Trong dạy học và giáo dục, học sinh cần:

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết ra với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện nội dung trả lời các câu hỏi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Có nhiều cách hiểu về trí tuệ trong tâm lý học:

- Truyền thống: trí tuệ là tư duy logic.
- Trí tuệ là khả năng học tập tốt, thể hiện ở kết quả học tập.
- Trí tuệ là khả năng thích ứng chung nhất của cá nhân với các điều kiện sống biến đổi.

Hiện nay, trong Tâm lý học, lí thuyết Đa trí tuệ được quan tâm và được coi là cách hiểu đầy đủ hơn và bao quát hơn về trí tuệ. Lí thuyết này cho rằng có thể có nhiều kiểu trí tuệ khác nhau: Trí tuệ ngôn ngữ – thể hiện khả năng ngôn ngữ; Trí tuệ logic – thể hiện khả năng tư duy logic khoa học; Trí tuệ không gian – khả năng nắm bắt không gian; Trí tuệ vận động – “sự thông thái của cơ thể”; Trí tuệ tương tác – sự tương tác với người khác, xã hội; Trí tuệ âm nhạc – khả năng âm nhạc, Trí tuệ nội tâm – khả năng nhận thức bản thân. Mỗi cá nhân có thể có một kiểu trí tuệ nào

đo nổi trội hơn so với các kiểu trí tuệ khác. Nhờ đó, các cá nhân có thể có khả năng hoạt động và thành công ở các lĩnh vực không giống nhau. Cách hiểu này về trí tuệ cho phép nhìn nhận các năng lực đa dạng của con người, cung cấp một cách hiểu và tiếp cận nhân văn, từ đó là các tác động đa dạng kích thích sự phát triển độc đáo của mỗi cá nhân.

Như vậy, người giáo viên cần có cách nhìn nhận hợp lý, từ đó xác định và giúp học sinh có thể xác định được kiểu trí tuệ nổi trội của mình. Đây là cơ sở cho hàng loạt các định hướng thực tiễn như lựa chọn nghề nghiệp, rèn luyện và phát triển khả năng riêng của học sinh.

Về các giai đoạn phát triển trí tuệ cũng có nhiều quan điểm khác nhau. Một quan điểm khá phổ biến là quan điểm của Piaget với các giai đoạn sau:

- Giác động: từ 0 – 2 tuổi.
- Tiền thao tác : từ 2 – 6 tuổi.
- Thao tác cụ thể 6 – 11, 12 tuổi.
- Thao tác hình thức: 11, 12, đến 14, 15 tuổi.
- Học sinh trung học phổ thông có sự phát triển trí tuệ ở giai đoạn sau thao tác hình thức – loại trí tuệ được coi là ngang bằng với người lớn.

Hoạt động 2. Đặc điểm nhận thức và phát triển trí tuệ ở học sinh trung học phổ thông.

Qua thực tiễn dạy học, bạn hãy nêu những đặc điểm nổi bật về nhận thức và trí tuệ của học sinh trung học phổ thông. Những đặc điểm đó có liên quan gì đến hoạt động dạy học?

- Những đặc điểm nổi bật trong nhận thức của học sinh trung học phổ thông:

- Những đặc điểm nổi bật về sự phát triển trí tuệ của học sinh trung học phổ thông:

- Những lưu ý khi tổ chức hoạt động dạy học:

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện nội dung trả lời câu hỏi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Nhận thức của học sinh trung học phổ thông có nhiều đặc điểm nổi bật:

Phạm vi nhận thức: rộng hơn rất nhiều. Học sinh quan tâm nhiều đến các vấn đề ngoài nội dung học tập, các vấn đề xã hội, các vấn đề tự nhiên. Tuy vậy, nhận thức còn tản mạn, ít hệ thống.

Hệ thống các tri thức, hiểu biết: rộng hơn, phong phú hơn.

Tính độc lập, sáng tạo thể hiện rõ nét. Học sinh đã có thể nhìn nhận, đánh giá vấn đề một cách phê phán từ những góc độ khác nhau. Học sinh cũng đã có được khả năng nhất định trong việc phát hiện ra các vấn đề cần giải quyết. Học sinh có thể tỏ ra nghi ngờ về tính chất đầy đủ và đúng đắn của các lời giải thích. Trong thời gian gần đây, một số học sinh trung học phổ thông đã tham gia vào việc nghiên cứu khoa học, tạo ra các sáng chế có ích cho cuộc sống.

Sự phân hoá hứng thú nhận thức rõ nét và ổn định hơn. Hứng thú có tính ổn định và sâu sắc hơn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động nhận thức của học sinh, giúp học sinh có được sự bền bỉ, say sưa và khả năng vượt qua những khó khăn trong học tập. Sự khác biệt cá nhân trong trình độ, năng lực và khuynh hướng nhận thức rất rõ. Một số học sinh trung học phổ thông hứng thú với các môn khoa học xã hội, số học sinh khác hứng thú với khoa học tự nhiên, số khác cho rằng những môn học trong nhà trường buồn tẻ và kém thú vị so với những gì đang diễn ra trong cuộc sống. Số khác nữa thể hiện sự lãnh đạm, chán nản với học tập.

Sự phát triển trí tuệ đã đạt đến mức cao. Một số nhà nghiên cứu cho rằng về cơ bản, trí tuệ của học sinh trung học phổ thông ngang bằng với người lớn trên phương diện thao tác. Các thao tác trí tuệ như so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt là thao tác trừu tượng hoá và khái quát hoá ở mức cao.

Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng năng lực phát hiện và đặt vấn đề của học sinh trung học phổ thông còn chưa phát triển đầy đủ.

Sự phát triển trí tuệ liên quan chặt chẽ với năng lực sáng tạo. Năng lực này thể hiện ở chỗ học sinh không chỉ lĩnh hội thông tin mà còn phải tạo ra cái mới nào đó. Theo I.A. Ponomarev, năng lực sáng tạo hình thành muộn hơn so với sự phát triển trí tuệ nói chung, chỉ khi học sinh có thể có được khối lượng lớn tri thức, kinh nghiệm sống và các phẩm chất khác. Tuy nhiên, ở lứa tuổi này khi học sinh đã bắt đầu va chạm với nhiều vấn đề của cuộc sống thực tiễn hơn thì những tiềm năng sáng tạo bắt đầu được “kích hoạt”. Số dĩ có thể nói tiềm năng sáng tạo ở lứa tuổi này được kích hoạt bởi lẽ các vấn đề, các mâu thuẫn đa dạng trong cuộc sống cho phép có thể có nhiều câu trả lời đúng – đây là đặc trưng của tư duy phân

lì (một bộ phận quan trọng nhất của năng lực sáng tạo), chứ không phải chỉ có một câu trả lời duy nhất đúng – đặc trưng của tư duy hội tụ.

Sự phát triển nhận thức và trí tuệ không giống nhau ở mỗi cá nhân, đặc biệt tính chất của sự phát triển đó phụ thuộc nhiều vào cách dạy học. Dạy học có thể quyết định mạnh mẽ đến sự phát triển trí tuệ và nhận thức. Ví dụ, dạy học theo kiểu áp đặt đơn thuần khó có thể phát triển tính độc lập và sáng tạo của học sinh; ngược lại, dạy học bằng khuyến khích tư duy sáng tạo giúp học sinh có thể có sự phát triển tư duy nhanh và hiệu quả.

THỰC HÀNH HOẠT ĐỘNG 2

- 1) Xác định những học sinh có khó khăn trong học tập môn học của bạn. Giải thích nguyên nhân có thể có liên quan đến mặt nhận thức của học sinh.
- 2) Hãy nhận diện và phân loại học sinh trên cơ sở các kiểu trí tuệ đã được trình bày.

Nội dung 3

ĐỜI SỐNG TÌNH CẢM– Ý CHÍ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

MỤC TIÊU

Hoạt động này giúp người học nắm được những đặc điểm trong đời sống tình cảm, ý chí của học sinh trung học phổ thông, hiểu được những nét cơ bản trong những dạng tình cảm phức tạp và môi trường xuất hiện ở học sinh trung học phổ thông như tình bạn, tình yêu, các tình cảm cấp cao... Từ đó có thái độ và cách ứng xử đúng đắn đối với học sinh.

TEST ĐẦU VÀO

Hãy quan sát, suy ngẫm và chia sẻ về sự bộc lộ xúc cảm, tình cảm của những học sinh khác nhau: sự đa dạng, muôn màu muôn vẻ của các xúc cảm, tình cảm, sự khác biệt rõ nét ở các cá nhân. Hãy tìm những ví dụ về các hành vi thể hiện nghị lực, ý chí và mục đích sống của học sinh.

Hoạt động 1. Tình cảm ở học sinh trung học phổ thông: một số tình cảm cấp cao (tình cảm thẩm mỹ, tình cảm đạo đức, tình cảm trí tuệ) như tình bạn, tình yêu.

Đời sống tình cảm của học sinh trung học phổ thông khá phức tạp, nó ảnh hưởng khá nhiều đến học tập và cuộc sống tinh thần của các em. Bạn hãy cho biết thái độ của mình về một số hiện tượng trong đời sống tình cảm của học sinh:

– Tình bạn của học sinh trung học phổ thông:

– Tình yêu của học sinh trung học phổ thông:

- Tại sao bạn lại có thái độ như vậy?

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây để tăng thêm hiểu biết về đời sống tình cảm của học sinh trung học phổ thông.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Đời sống tình cảm của học sinh trung học phổ thông đã đạt tới mức độ cao với các đặc điểm nổi bật:

- So với lứa tuổi thiếu niên, các xúc cảm ở lứa tuổi thanh niên có tính phân hoá sâu, tính tự chủ và được điều chỉnh tốt hơn. Ở lứa tuổi thiếu niên, do các tác động của sự phát triển sinh lí (dậy thì, sự thay đổi các hoóc môn...), thiếu niên có xu hướng tăng hưng phấn nhẹ, căng thẳng xúc cảm đạt tới đỉnh điểm vào khoảng 14, 15 tuổi. Xu hướng này bắt đầu giảm đi khi bước vào tuổi trung học phổ thông. Sự bộc lộ của tính xã hội trong các xúc cảm, tình cảm ngày càng rõ nét hơn tính sinh học. Những xúc cảm ở các cá nhân có sự phân hoá rõ rệt về phạm vi, đối tượng, cường độ. Có những học sinh trung học phổ thông có thể dễ rung cảm trước các hành vi đạo đức của người khác, số khác lại có thể dửng dưng. Một số học sinh có các trải nghiệm sâu sắc về các sự kiện xung quanh, số khác không để tâm tới bất kì điều gì không liên quan đến bản thân. Sự phân hoá xúc cảm lúc này là kết quả của các điều kiện giáo dục từ trước đó chứ không phải là kết quả ngẫu nhiên của một giai đoạn lứa tuổi này.
- Các tình cảm cấp cao – những tình cảm liên quan đến các nhu cầu tinh thần của con người như tình cảm đạo đức, tình cảm trí tuệ, tình cảm thẩm mĩ, tình cảm trách nhiệm, lòng yêu nước, tình bạn, tình yêu... được

bộc lộ một cách rõ ràng. Một học sinh lớn vi phạm những chuẩn mực hành vi mà bản thân đã chấp nhận sẽ gây ra ở bản thân sự cắn rứt, cảm giác lỗi lầm. Có sự mở rộng rõ rệt phạm vi của tình cảm thẩm mĩ. Học sinh trung học phổ thông có thể bảo vệ một cách mạnh mẽ thái độ của mình đối với việc lựa chọn cách ăn mặc, gu thẩm mĩ. Các em cũng sẵn sàng bộc lộ thái độ với các hành vi đạo đức của người khác, đôi khi một cách thái quá. Đặc biệt, học sinh trung học phổ thông rất nhạy cảm với sự tương phản, với cái mới. Ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông, cùng với sự phát triển của trí tuệ, đặc biệt là tính phê phán của tư duy, óc hài hước, châm biếm, mỉa mai bộc lộ rõ nét. Những biểu hiện của sự châm biếm ở đây cần được nhìn nhận như là hiện tượng bình thường chứ không nên vội vàng quy kết như là một vấn đề đạo đức.

Học sinh cũng có sự nhận biết về các đối tượng tình cảm của mình rõ ràng hơn. Học sinh say sưa với học tập, với việc tìm kiếm tri thức. Các em có thể giải thích khá rõ tại sao các em thực hiện những việc như vậy, điều gì đem lại cho các em các tình cảm mạnh mẽ. Ở một số học sinh, sự tò mò ngây thơ đã chuyển thành sự ham muốn sáng tạo.

Sự phát triển tình cảm không diễn ra một cách đơn giản, theo kiểu đường thẳng và giống nhau ở các cá nhân bởi vì nội dung của các tình cảm đó phụ thuộc rất lớn vào các đặc điểm và thuộc tính khác của nhân cách, ví dụ: định hướng giá trị của cá nhân, tự ý thức cá nhân...

Tình bạn:

Tình bạn là một dạng quan trọng nhất của sự gắn bó xúc cảm và quan hệ liên nhân cách ở tuổi thanh niên. Tình bạn ở tuổi trung học phổ thông phát triển mạnh ở cả ba dấu hiệu: mức độ lựa chọn, độ bền vững và độ thân. Các quan hệ bạn bè càng được lựa chọn bao nhiêu thì càng bền vững bấy nhiêu, mức độ hiểu nhau càng cao (độ thân về tâm lý), độ bền vững càng cao.

Tình bạn của học sinh trung học phổ thông không còn đơn giản là cùng tính cách, cùng thói quen hay sở thích mà đã có những cơ sở tâm lý sâu sắc hơn, đó là sự tương đồng về các định hướng giá trị sống, tương đồng trong các mục đích sống và sự tương đồng hoàn cảnh sống. Dễ dàng nhận thấy các nhóm bộ tam, bộ tứ và “diện mạo tâm lý” của các nhóm đó. Có những nhóm động viên giúp đỡ nhau học tập, lại có những nhóm

khác theo đuổi sự sành điệu thể hiện đẳng cấp. Đằng sau sự tương đồng đó chính là nhận thức của học sinh về các giá trị mà học sinh theo đuổi, vì thế việc tìm kiếm và kết bạn khó hơn nhưng khi đã kết bạn thì sự ổn định và bền vững của tình bạn cao hơn so với lứa tuổi thiếu niên. Tình bạn học sinh trung học phổ thông có thể đi suốt cả cuộc đời. Tình bạn chiếm một vị trí ưu tiên trong các quan hệ gần gũi ở tuổi thanh niên. Tuổi thanh niên được coi là tuổi dành cho tình bạn. Học sinh tìm kiếm và khao khát tình bạn chân chính. Hồi tưởng về tuổi thanh niên học sinh của những người đã trưởng thành, không phải ngẫu nhiên, nhắc nhiều đến bạn bè chứ không phải gia đình. Mặc dù có thể xuất hiện tình yêu từ tình bạn, tình bạn có thể làm nảy nở tình yêu ở học sinh trung học phổ thông nhưng không phải tình yêu mà tình bạn mới là chủ đạo trong đời sống của học sinh trung học phổ thông.

Tình yêu

Đây là dạng tình cảm nam – nữ lần đầu xuất hiện theo đúng nghĩa của nó ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông. Từ trước đó, khi bước vào tuổi dậy thì, ở học sinh THCS đã có những trải nghiệm, rung cảm đối với bạn khác giới nhưng tính xã hội và độ ổn định, rõ ràng của các trải nghiệm tình yêu chưa có. Học sinh THCS có thể đơn giản thấy thích một bạn khác giới, để ý đến bạn đó và rồi xúc cảm đó có thể qua nhanh.

Tình yêu ở tuổi trung học phổ thông là một tất yếu của sự phát triển cả về cơ thể, thể chất, cả về xã hội. Nó xuất hiện trên nền tảng nhu cầu được chia sẻ, được quan tâm, thương yêu người khác, được người khác quan tâm và cả sự cuốn hút về thể chất. Tính chất của tình yêu, cách thức ứng xử của học sinh đang yêu phụ thuộc rất nhiều vào bối cảnh xã hội mà học sinh đang sống. Tuy vậy, có những biểu hiện cơ bản về mặt tâm lý thường xuất hiện ở những học sinh đang yêu như: quan tâm đến người yêu, có mong muốn được ở bên cạnh người yêu, mong muốn được giúp đỡ người yêu, khoan dung, độ lượng, dễ dàng chấp nhận và bỏ qua các sai lầm, khuyết điểm của người yêu, mong muốn thể hiện và khẳng định tình cảm của mình trước người khác. Các hiệu ứng khi yêu cũng bộc lộ rõ rệt “hiệu ứng nhiễm sắc” – chỉ nhìn thấy nét đẹp của người yêu, “hiệu ứng phi cá tính hoá” – dễ dàng từ bỏ cái tôi, cái riêng để làm đẹp lòng người yêu. Đôi khi các hiệu ứng này làm học sinh có các hành vi lệch lạc.

Vấn đề ứng xử của người lớn với tình cảm này ở học sinh cần rất tinh tế vì đây là dạng quan hệ nhạy cảm. Một mặt cần tôn trọng tình cảm này ở học sinh, không thể ngăn cấm, can thiệp thô bạo vào tình yêu của học sinh, mặt khác không thể buông lỏng hay không để ý đến quan hệ này. Do vậy, người lớn một mặt tỏ thái độ tôn trọng, đề cao những tình cảm đẹp giúp học sinh định hướng đúng trong tình yêu, mặt khác cần có sự chú ý, nhắc nhở để điều chỉnh một cách hợp lý, tránh để quan hệ tình yêu của học sinh trở nên lệch lạc và ảnh hưởng đến học tập cũng như cuộc sống của học sinh sau này.

Hoạt động 2. Đặc điểm ý chí của học sinh trung học phổ thông.

Bạn có thể nói gì về ý chí ở học sinh trung học phổ thông hiện nay?
Hãy viết ra suy nghĩ của bạn.

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để tăng thêm hiểu biết về đặc điểm ý chí của học sinh trung học phổ thông.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Ở tuổi thanh niên, xu hướng nhân cách, phẩm chất ý chí bộc lộ rõ ràng. Cường độ của ý chí phát triển cao. Học sinh có thể quyết tâm vượt qua nhiều trở ngại để đạt tới các mục đích đã đặt ra. Những tấm gương về học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhưng nỗ lực lâu dài để thi đỗ đại học hay sẵn sàng hi sinh những sở thích, những mong muốn riêng của mình để giúp đỡ gia đình là không hiếm. Cường độ của ý chí không chỉ thể hiện ở việc học sinh có khả năng nỗ lực vượt qua khó khăn bên ngoài mà còn thể hiện ở việc đấu tranh động cơ, kiểm chế hay thay đổi chính bản thân.

Tính đạo đức của các hành động ý chí cũng được học sinh ý thức hơn. Các em đã có khả năng hiểu và lựa chọn điều gì cần nỗ lực và điều gì thì không. Tính đạo đức của hành động ý chí được thể hiện ở các mục đích mà các em đặt ra cho bản thân. Một số học sinh có định hướng và mục đích rất rõ như lựa chọn nghề nào, định làm gì trong tương lai. Với những học sinh này, nhu cầu thành đạt nổi bật: học sinh biết đặt cho mình mục tiêu, biết nỗ lực, biết lên kế hoạch và phân phối sức lực để thực hiện. Nói cách khác, sự nỗ lực ý chí bộc lộ rõ nét. Nhưng cũng có những học sinh không đặt ra cho mình các mục đích, không nghĩ tới tương lai, thụ động chờ đợi. Những học sinh này thường không có động cơ và khó có thể thành đạt trong cuộc sống. Đáng tiếc là vẫn còn những học sinh trung học phổ thông bị lôi kéo vào các nhóm tiêu cực, không tuân thủ các chuẩn mực, giá trị xã hội, coi sự thể hiện tính ngang ngược, xâm hại người khác, chống đối xã hội là bản lĩnh, là ý chí.

THỰC HÀNH CHO HOẠT ĐỘNG 3

- 1) Hãy xác định trong lớp học bạn đang dạy có những nhóm bạn thân nào? Đặc điểm của những nhóm bạn đó? Có nhóm nào cần chú ý đặc biệt?
- 2) Tìm kiếm một tình huống trong đó người giáo viên có cách ứng xử với những “cặp đôi” học sinh trong lớp mà bạn cho là hợp lý và có hiệu quả. Phân tích tình huống đó.
- 3) Hãy trò chuyện với một vài học sinh để tìm hiểu: mục đích tương lai của các em là gì? Các em có kế hoạch hay dự kiến thực hiện như thế nào? Khó khăn mà các em gặp phải là gì?

Nội dung 4

CÁC ĐẶC ĐIỂM NHÂN CÁCH CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

MỤC TIÊU

Hoạt động này giúp người học nắm được những vấn đề cơ bản trong nhân cách của học sinh trung học phổ thông mà nhà giáo dục cần tìm hiểu. Người học được cung cấp những đặc điểm nổi bật trong nhân cách của học sinh trung học phổ thông như khả năng tự ý thức của học sinh, hình ảnh cái tôi, định hướng giá trị... những vấn đề cốt lõi của nhân cách. Từ đó có thể giải thích, dự báo hành vi và xu hướng phát triển nhân cách của học sinh.

TEST ĐẦU VÀO

Hãy xác định: Trong số học sinh ở lớp các anh (chị) đang dạy, cô học sinh nào có thể coi là người hướng nội? Hướng ngoại? Ai là người lý thuyết, ai là người thực tế?... Từ đặc điểm nào của mỗi học sinh đó mà anh (chị) cho rằng họ thuộc kiểu này hay kiểu kia?

Ở lứa tuổi trung học phổ thông, nhân cách đã khá ổn định và bộc lộ khá rõ. Nhân cách thể hiện ở hình ảnh tổng thể và thống nhất của mỗi học sinh mà ta có thể quan sát và nhận biết được: sự khác biệt, dấu ấn riêng về hành vi, cách ứng xử với người khác, hoạt động, xu hướng hoạt động, các xúc cảm, tình cảm, cách suy nghĩ giải quyết vấn đề, cách quan hệ với chính bản thân... đã trở thành ổn định và có thể dự đoán được ở mức độ nhất định.

Hoạt động 1. Tự ý thức và hình thành “cái tôi” của học sinh trung học phổ thông.

Các nhà tâm lý học khẳng định rằng, đến tuổi học sinh trung học phổ thông, tự ý thức và “cái tôi” được bộc lộ khá rõ nét. Qua nghiên cứu các tài liệu, giáo trình về tâm lý học lứa tuổi học sinh trung học phổ thông, qua tiếp xúc trực tiếp với học sinh, bạn hãy viết ra cách hiểu của mình về tự ý thức và “cái tôi” của học sinh trung học phổ thông, bằng cách trả lời một số câu hỏi sau:

Câu 1. Tự ý thức là gì? Những đặc điểm nổi bật về tự ý thức của học sinh trung học phổ thông?

- Tự ý thức là:

- Những đặc điểm nổi bật về tự ý thức của học sinh trung học phổ thông là:

Câu 2. “Cái tôi” trong tâm lí học có điểm gì khác với cái tôi thường được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày. Tại sao cần phải quan tâm đến sự hình thành “cái tôi” ở học sinh trung học phổ thông?

- “Cái tôi” trong tâm lí học:

- “Cái tôi” trong cuộc sống hàng ngày:

- Cần phải quan tâm đến sự hình thành “cái tôi” ở học sinh trung học phổ thông vì:

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện nội dung trả lời câu hỏi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Trong tâm lý học, có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm “tự ý thức” và “cái tôi”, tùy thuộc vào cách tiếp cận khác nhau. Tuy vậy, có thể hiểu chung nhất như sau:

Tự ý thức là khả năng học sinh trung học phổ thông tự tách ra khỏi bản thân, lấy bản thân mình làm đối tượng để nhận thức, để đánh giá, từ đó hình thành nên biểu tượng khái quát về chính bản thân. Biểu tượng ổn định của cá nhân về chính bản thân có thể gọi là *cái tôi*. Khả năng tự ý thức giúp học sinh có thể hình thành biểu tượng đúng hay sai, đầy đủ hay thiếu hụt về bản thân mình. Ngược lại, khi cái tôi được hình thành, nó lại đóng vai trò định hướng, thúc đẩy và điều chỉnh hành vi của học sinh.

Như vậy, học sinh có thể tự nhận thức bản thân và hình thành hình ảnh của bản thân ở nhiều phương diện: bên ngoài, bên trong, thân thể hay năng lực, năng lực hay phẩm chất; và nhiều mức độ: đơn giản hay phức tạp, đầy đủ hay phiến diện... Tự đánh giá là một khả năng được hình thành trong suốt quá trình phát triển nhân cách và được coi là một dấu hiệu cơ bản để nhận biết mức độ trưởng thành của nhân cách.

Ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông tự đánh giá có những điểm nổi bật, thể hiện sự trưởng thành nhất định về nhân cách:

- Học sinh trung học phổ thông đã có sự đối chiếu bản thân với các chuẩn mực xã hội và có quan điểm riêng của mình.
- Sự đánh giá của học sinh trung học phổ thông có tính phê phán và đòi hỏi cao với bản thân. Học sinh có thể băn khoăn trăn trở với câu hỏi: “Mình là ai? Mình là người như thế nào? Mình muốn trở thành người như thế nào?”. Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi bằng cách phân tích so sánh đối chiếu bản thân với người khác là cơ sở quan trọng để học sinh có thể tự tu dưỡng, tự điều chỉnh bản thân. Nhu cầu “trò chuyện với chính mình” để khám phá phát hiện ra mình là một nhu cầu nổi bật. Những nhu cầu đó được thể hiện trong các trang nhật kí, hoặc hiện đại hơn và đa dạng hơn với blog hoặc mạng xã hội.
- Tự đánh giá ở học sinh trung học phổ thông có chiều sâu và khái quát hơn so với học sinh trùn học cơ sở. Điều này liên quan tới viễn cảnh cuộc sống mà học sinh trung học phổ thông đang lựa chọn và hướng tới, đặc biệt liên quan đến các hình mẫu nghề nghiệp, vị trí xã hội trong tương lai. Học sinh không chỉ tự đánh giá bản thân trong hiện tại mà còn tạo ra cái tôi lí tưởng, so sánh đối chiếu cái tôi hiện tại với cái tôi lí tưởng. Các em cũng không chỉ dừng lại ở việc đánh giá một số nét nhân cách riêng lẻ mà đánh giá một cách tổng thể về bản thân, so sánh đối chiếu với một hình mẫu nào đó.
- Tự đánh giá của học sinh trung học phổ thông được thực hiện theo ba cách:
 - + So sánh mức độ kì vọng với kết quả của bản thân. Do vậy các em sẵn sàng thực hiện các hành động, thậm chí các hành động nguy hiểm để khẳng định năng lực của mình. Xu hướng này làm các em đôi khi coi nhẹ những việc làm thường ngày, có xu hướng cường điệu hoá một số hoạt động...
 - + Đối chiếu so sánh với ý kiến của người khác về bản thân. Học sinh trung học phổ thông nhạy cảm với ý kiến của người khác và thường có xu hướng khái quát hoá các ý kiến đó. Một nhận xét về một công việc cụ thể có thể được khái quát cho toàn bộ con người. Do vậy, khi nhận xét học sinh trung học phổ thông cần thận trọng, theo hướng phát triển, không nên quy kết.

- + Một số thước đo mới được sử dụng trong tự đánh giá như sự thành thạo trong công việc, sự hấp dẫn trong tình yêu và tình bạn thân thiết. Các yếu tố này đóng góp quan trọng cho việc thanh niên đánh giá tổng thể về bản thân.
- Đánh giá của học sinh trung học phổ thông còn mang tính chủ quan và có xu hướng cao hơn hiện thực. Nguyên nhân của hiện tượng này là do nhận thức của các em về các vấn đề xã hội chưa sâu, sự va chạm và trải nghiệm trong cuộc sống chưa nhiều. Bên cạnh đó, mơ ước, hoài bão của các em rất lớn nhưng chưa được kiểm chứng. Do vậy, không nên đề cao thái quá năng lực nào đó của học sinh (như sự lãng xê thái quá của báo chí với một số vận động viên mới nổi chẳng hạn). Thừa nhận, tôn trọng và khuyến khích các em khẳng định và bộc lộ các năng lực của bản thân nhưng cần cô chừng mực.

Quá trình hình thành nhân cách bao gồm cả việc hình thành “cái tôi” – một quan niệm, hình ảnh về bản thân – tương đối bền vững. Cái tôi không chỉ là biểu tượng về những thuộc tính đã được cá nhân xây dựng nên mà còn là tâm thế xã hội, bao gồm: nhận thức về bản thân, xúc cảm với bản thân và hành vi – thái độ thực tế với bản thân. Cái tôi hay hình ảnh về cái tôi có nhiều nội dung và nhiều mức độ như cái tôi thể chất, cái tôi hiện thực, cái tôi lí tưởng...

Hình ảnh về thân thể: Thanh niên rất quan tâm đến hình ảnh thân thể của mình trong mắt người khác và có ý thức rèn luyện hoặc tạo ra các điệu bộ, cử chỉ để tạo ra hình ảnh hấp dẫn. Một trong những mối quan tâm của học sinh trung học phổ thông là về bề ngoài của họ phù hợp như thế nào với mẫu người của “phái nam” hay “phái nữ”. Nam học sinh quan tâm đến tầm vóc: cao – thấp, dáng hình nam tính. Nữ sinh quan tâm đến làn da, độ béo gầy... Về bề ngoài trở thành một phương diện của cuộc sống. Việc bắt chước cách ăn mặc hay cử chỉ của nhân vật nào đó cũng không nằm ngoài hiện tượng này.

Hình ảnh cái tôi được đánh giá qua nhiều tiêu chí khác nhau: tính bền vững, tính tương phản, mức độ rõ ràng. Ở học sinh trung học phổ thông, tính bền vững cao hơn lứa tuổi thiếu niên, tuy vậy vẫn có thể thay đổi nhanh. Tính tương phản: sự khác biệt của bản thân với người khác. Ở học sinh trung học phổ thông, những phẩm chất bên trong được chú ý nhưng được nhận thức chậm hơn những phẩm chất bên ngoài. Học sinh có thể

lo lắng về ấn tượng mà mình có thể gây ra đối với người khác, thể hiện ở “tính cá thẹn”.

- Sự cường điệu tính độc đáo riêng của mình là đặc điểm của nhiều học sinh trung học phổ thông. Mặc dù hình ảnh của học sinh về bản thân bao giờ cũng tương quan với hình tượng nhóm “chúng tôi”– những người cùng tuổi của giới mình – nhưng không bao giờ trùng với cái “chúng tôi” ấy một cách hoàn toàn.
- Cái tôi của nữ và nam có sự khác biệt. Nữ giới có xu hướng hướng nội và nhạy cảm hơn, xu hướng tìm kiếm sự tương đồng với vai trò giới rõ nét hơn.

Hoạt động 2. Định hướng giá trị của học sinh trung học phổ thông.

Bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình để trả lời một số câu hỏi sau:

Câu 1. Định hướng giá trị là gì? Vai trò của định hướng giá trị?

- Định hướng giá trị là:

- Vai trò của định hướng giá trị:

Câu 2. Đặc điểm định hướng giá trị của học sinh trung học phổ thông?

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để có thêm hiểu biết về định hướng giá trị và đặc điểm định hướng giá trị của học sinh trung học phổ thông.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Định hướng giá trị được hiểu là thái độ, sự lựa chọn của cá nhân với các giá trị vật chất hay tinh thần nào đó có ý nghĩa với cá nhân, đã được cá nhân nhận thức. Như vậy, các cá nhân khác nhau có thể có các định hướng giá trị không giống nhau. Với các cá nhân này, một đối tượng vật chất hay tinh thần này có thể được nhận thức là có ý nghĩa, tức là có giá trị đối với họ. Họ hoạt động để đạt tới các giá trị đó. Với các cá nhân khác, đối tượng vật chất hay tinh thần khác mới có giá trị với họ... Trong đời sống có các giá trị mang tính phổ biến, cũng có các giá trị chỉ có một số ít người nào đó theo đuổi. Do vậy, bên cạnh tính chung của các định hướng giá trị, màu sắc chủ quan và tính chất cá nhân của định hướng giá trị cũng rất rõ nét.

Định hướng giá trị đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người. Thứ nhất, định hướng giá trị là một trong các yếu tố quyết định mục đích hoạt động mà con người hướng tới. Định hướng giá trị được cụ thể hoá trong các mục đích hoạt động cụ thể và chi phối xu hướng hoạt động chung của con người. Ví dụ, một cá nhân có định

hướng giá trị cơ bản là tiền bạc, người đó sẽ có xu hướng tiến hành các hoạt động cụ thể nhằm đem lại tiền bạc và xu hướng hoạt động chung của người đó cũng nhằm tới giá trị này.

Thứ hai, định hướng giá trị thúc đẩy cá nhân thực hiện các hoạt động hướng tới giá trị đó.

Thứ ba, định hướng giá trị cũng đóng vai trò tiêu chuẩn, nguyên tắc của hành vi. Do vậy, tìm hiểu định hướng giá trị của cá nhân nói chung và học sinh nói riêng là vô cùng quan trọng. Hiểu được định hướng giá trị của học sinh, người giáo viên có thể hiểu được động cơ nào thúc đẩy học sinh thực hiện hoạt động này hay hoạt động khác, xu hướng hoạt động của học sinh và những điểm có thể tác động đến để mang lại hiệu quả.

Có thể phân loại nhiều định hướng giá trị khác nhau, tuy nhiên có một số loại định hướng giá trị hay được đề cập tới:

- Căn cứ vào ý nghĩa xã hội hay ý nghĩa cá nhân của các mục đích: định hướng giá trị xã hội – khi cá nhân hướng tới các mục đích vì xã hội, vì người khác; định hướng giá trị cá nhân – khi cá nhân hướng tới các mục đích vì bản thân.
- Căn cứ vào đối tượng của định hướng giá trị: định hướng giá trị vật chất, định hướng giá trị tinh thần.
- Căn cứ vào ý nghĩa, tính chất của giá trị: định hướng giá trị tiêu cực, định hướng giá trị tích cực.

Sự hình thành định hướng giá trị là quá trình lâu dài, đó là kết quả của mối quan hệ tương hỗ giữa các yếu tố riêng của cá nhân và các yếu tố xã hội. Ở giai đoạn trung học phổ thông, định hướng giá trị vừa được bộc lộ rõ nét, vừa có điều kiện để hình thành nhanh chóng, vừa có tác động mạnh mẽ đến đời sống của học sinh. Để hình thành định hướng giá trị, ở học sinh phải có hệ thống những hiểu biết về thế giới xung quanh, phải có những trải nghiệm nhất định về các quan hệ xã hội. Những điều kiện này đã bắt đầu hiện diện ở lứa tuổi trung học phổ thông với các quan hệ xã hội mới. Trong quá trình tương tác với các vai xã hội, nhận biết các quan hệ và các giá trị trong đời sống xã hội, ở học sinh trung học phổ thông hình thành và củng cố cho bản thân những giá trị nhất định. Có thể

đó là những giá trị được nhiều người đề cao, có thể đó là những giá trị riêng mặc dù có thể chưa được học sinh trung học phổ thông nhận thức một cách đầy đủ. Chính vì vậy, các giá trị ở học sinh trung học phổ thông có thể mang tính tích cực nhưng cũng có cả những giá trị tiêu cực. Việc bắt đầu va chạm với cuộc sống, hứng thú với đời sống xã hội mở rộng có thể dẫn tới việc học sinh trung học phổ thông tiếp nhận một số giá trị nào đó không thực sự phù hợp và thiếu nhận thức cần kể. Trong giai đoạn xã hội hiện nay, điều này thể hiện khá rõ khi học sinh trung học phổ thông bắt chước, chạy theo các giá trị ngoại lai, thờ thượng mà bỏ quên các giá trị truyền thống nhân bản. Để học sinh hiểu được các “chân giá trị” không hề dễ dàng trong bối cảnh các giá trị của xã hội cũng đang chưa định hình rõ nét.

Định hướng giá trị của học sinh phổ thông được thể hiện qua các hoạt động và các mối quan hệ cơ bản của các em.

Trong hoạt động học tập, định hướng giá trị cơ bản cuộc sống của học sinh trung học phổ thông được thể hiện trong mục đích gần là thi được vào các trường cao đẳng và đại học. Nói cách khác, định hướng giá trị phổ biến ở học sinh trung học phổ thông trong học tập là các giá trị cá nhân. Học sinh mong muốn học tập để có được cuộc sống của bản thân tốt đẹp hơn. Điều này có tính lịch sử của nó trong quá trình phát triển cá nhân. Cũng vì định hướng giá trị này mà những học sinh trung học phổ thông đã nhận thức được ý nghĩa của việc học tập, sẽ nỗ lực không biết mệt mỏi để đạt được mục đích đó. Ngược lại, những học sinh không có định hướng giá trị gắn với việc học hành sẽ thờ ơ, chểnh mảng và có thái độ thiếu tích cực với việc học tập. Việc học tập để có kiến thức, để trở thành người có tri thức phục vụ xã hội trở thành giá trị nền ở phía xa.

Trong các quan hệ, định hướng giá trị của học sinh trung học phổ thông cũng thể hiện rõ nét. Trong quan hệ gia đình, mặc dù vẫn còn là thành viên phụ thuộc vào gia đình nhưng học sinh trung học phổ thông đề cao và mong muốn có được sự tự lập và độc lập trong việc giải quyết các vấn đề của bản thân, mong muốn khẳng định bản thân. Trong quan hệ với bạn bè, giá trị mà các em đề cao là sự tôn trọng, bình đẳng, sự thừa nhận lẫn nhau.

Hoạt động 3. Tự xác định xã hội – hình thành thế giới quan và “kế hoạch cuộc đời”.

Theo bạn, thế giới quan là gì? Đặc điểm nổi bật về thế giới quan của học sinh trung học phổ thông là gì? Bạn hãy viết ra quan điểm của mình về vấn đề này.

- Thế giới quan là:

- Đặc điểm hình thành thế giới quan ở học sinh trung học phổ thông:

Bạn hãy đối chiếu những thông tin dưới đây để có thêm hiểu biết về thế giới quan và đặc điểm hình thành thế giới quan ở học sinh trung học phổ thông.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Thế giới quan là hệ thống những quan điểm chung về thế giới được hình thành từ các tri thức mà cá nhân có được, để có được thế giới quan cần có: hệ thống các tri thức nhất định được cá nhân lĩnh hội và khả năng tư duy để gắn các tri thức thành hệ thống. Tuy vậy, thế giới quan không đơn thuần là hệ thống tri thức mà còn là hệ thống các niềm tin, nói lên thái độ và định hướng của con người đối với thế giới. Thế giới quan có thể sâu hay nông, đúng hay sai, khoa học hay tôn giáo.

Tuổi thanh niên là giai đoạn cực kì quan trọng đối với việc hình thành thế giới quan vì ở lứa tuổi này, các tiền đề nhân cách và nhận thức của thế giới quan đang chín muồi. Các tiền đề nhân cách thể hiện ở chỗ

thanh niên học sinh có nhu cầu rất lớn là nhu cầu tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống, lựa chọn con đường cuộc đời một cách có ý thức. Các tiền đề nhận thức thể hiện ở chỗ tầm nhìn trí tuệ không chỉ được mở rộng mà còn theo hướng lí luận hoá các kinh nghiệm thành các nguyên tắc chung.

Tuổi thanh niên thể hiện thái độ đối với thế giới với màu sắc nhân cách rõ rệt. Sự tìm tòi thế giới quan bao gồm định hướng xã hội của nhân cách – nhận biết bản thân như là một bộ phận, một thành tố của cộng đồng và sự lựa chọn vị trí xã hội tương lai cho bản thân và các phương thức đạt đến mục đích ấy.

Vấn đề ý nghĩa của cuộc sống là một trong những tiêu điểm của sự hình thành thế giới quan. “Ai cần tôi? Tôi sinh ra để làm gì?...” là câu hỏi thanh niên học sinh tự đặt cho bản thân. Đa số học sinh trung học phổ thông có khuynh hướng sống cuộc sống tích cực có ích cho bản thân và xã hội. Bên cạnh đó cũng có một số học sinh trung học phổ thông chưa xác định được ý nghĩa cuộc sống của bản thân và có thái độ bị động “sau hầy hay”. Tâm thế bị động này là nguyên nhân của sự ỷ lại, thiếu ý chí và thiếu nỗ lực.

Sự hình thành thế giới quan đòi hỏi kết hợp viễn cảnh gần và viễn cảnh xa, kết hợp cái có thể và cái mong muốn. Một thanh niên chỉ biết hướng tới cái mong muốn mà không biết về thực tại thì có thể không bao giờ đạt được mong muốn đó. Một thanh niên không có hoài bão ước mơ cũng không phải là thanh niên.

Hoạt động 4. Kế hoạch cuộc đời và xác định nghề nghiệp.

Qua thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh, bạn hãy chỉ ra những đặc điểm trong việc xác định, lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông?

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để có thêm hiểu biết về “kế hoạch cuộc đời” và xác định nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Nét nổi bật của tuổi thanh niên là xác định kế hoạch cuộc đời. Điều này có được là do các nguyên nhân:

- 1) Sự trưởng thành nhất định về nhân cách.
- 2) Sự cụ thể hoá ít nhiều có tính hiện thực các ước mơ, lí tưởng.

Kế hoạch cuộc đời vừa là hiện tượng xã hội vừa là hiện tượng có tính đạo đức. Khái niệm này bao hàm từ sự xác định các giá trị đạo đức, mức độ kì vọng vào tương lai, nghề nghiệp, cuộc sống sau này. Kế hoạch cuộc đời thường hình thành một cách mơ hồ cuối tuổi thiếu niên, dần có đường nét rõ hơn ở tuổi thanh niên và đến cuối tuổi thanh niên có thể được định hình và trở thành lẽ sống ở họ.

Vấn đề bận tâm nhất đối với thanh niên học sinh trong kế hoạch đường đời là chọn nghề. Việc chọn nghề chính là một khâu trong kế hoạch cuộc đời của các em. Việc xác định nghề nghiệp là quá trình có nhiều mức độ, nhiều tầng bậc, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố và được học sinh trung học phổ thông quan tâm. Xu hướng và hứng thú nghề có thể đã xuất hiện ở tuổi thiếu niên nhưng chỉ trở thành cấp thiết và mang tính hiện thực hơn ở học sinh trung học phổ thông bởi thời gian phải đưa ra quyết định cụ thể không còn nhiều.

Việc chọn nghề đòi hỏi phải kết hợp được nhiều yếu tố: nhu cầu xã hội, năng lực, sở thích của bản thân và yêu cầu đòi hỏi của nghề. Thế nhưng

ở học sinh trung học phổ thông chưa có được thông tin về cả ba yếu tố này. Đa phần cơ sở của thái độ lựa chọn nghề nghiệp của học sinh dựa trên các khái quát mang tính kinh nghiệm học được từ những người xung quanh, còn trừu tượng chưa được trải nghiệm. Do vậy, việc chọn nghề của học sinh trung học phổ thông mang tính tự phát, theo trào lưu xã hội mà chưa có cơ sở chắc chắn. Học sinh trung học phổ thông thường chưa có cái nhìn đầy đủ về nghề. Nghề tốt thì mọi thứ đều hay, nghề xấu thì mọi thứ đều dở.

Học sinh trung học phổ thông thường có ít thông tin về nghề và về bản thân. Họ biết ít về các đặc điểm của nghề, về mạng lưới nghề có trong xã hội. Học sinh cũng chưa phân biệt rõ nghề và trường đào tạo nghề. Nhiều học sinh ngay cả khi đã vào trường vẫn chưa hiểu rõ nghề của mình sau này sẽ làm gì.

Chọn nghề là quá trình phức tạp và lâu dài. Có hai cực của quá trình này ở học sinh trung học phổ thông: một là tạm gác hay kéo dài việc chọn nghề do không có hứng thú rõ rệt và ổn định. Sự chậm trễ này thường đi đôi với sự chưa trưởng thành nói chung, với tính trẻ con trong định hướng xã hội. Cực khác của quá trình chọn nghề là áp đặt sớm từ phía phụ huynh. Cách này thường đem lại sự sợ hãi, từ chối một cách tiêu cực từ phía học sinh. Do vậy, tổ chức để giúp học sinh có điều kiện tiếp cận, tìm hiểu, mở rộng nhận quan và có thể có được sự lựa chọn phù hợp công việc hết sức cần thiết.

THỰC HÀNH HOẠT ĐỘNG 4

- 1) Hãy giải thích những trường hợp học sinh quá tự ti hoặc tự kiêu. Theo anh (chị) có thể làm gì giúp các em có được sự nhận thức và đánh giá đúng về bản thân?
- 2) Hãy xác định các định hướng giá trị phổ biến ở học sinh trung học phổ thông mà anh (chị) đang dạy học. Anh (chị) suy nghĩ gì về các định hướng giá trị đó?
- 3) Nếu được chia sẻ với học sinh trung học phổ thông về việc lựa chọn nghề và kế hoạch cuộc đời. Anh (chị) sẽ chia sẻ điều gì?

Hoạt động 5. Tính tích cực xã hội của học sinh trung học phổ thông: các vai trò và hoạt động xã hội.

Bằng kinh nghiệm công tác giáo dục học sinh và qua các tài liệu đã đọc, bạn hãy viết ra hiểu biết của mình về:

- **Đặc điểm tính tích cực xã hội của học sinh trung học phổ thông:**

- Các hoạt động xã hội mà học sinh trung học phổ thông tham gia:

- Vai trò của học sinh trung học phổ thông trong các hoạt động xã hội:

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để có thêm hiểu biết về tính tích cực xã hội của học sinh trung học phổ thông.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Tính tích cực xã hội của thanh niên rất cao như là hệ quả của vị thế xã hội mới và tính mở trong các quan hệ xã hội. Đứng trước ngưỡng cửa của hoạt động xã hội và đời sống xã hội, thanh niên có nhiều cơ hội để tham gia vào nhiều hoạt động xã hội khác nhau. Qua đó thanh niên không chỉ có được các kinh nghiệm xã hội mà còn có cơ hội để thể hiện năng lực của bản thân, thể hiện được vai trò của mình trong các hoạt động xã hội. Thông qua các hoạt động xã hội, học sinh trung học phổ thông hoàn thiện và củng cố nhân cách.

Tính tích cực xã hội của học sinh trung học phổ thông được thúc đẩy bởi các nhân tố sau:

- Nhu cầu tìm hiểu, nắm bắt các sự kiện trong đời sống xã hội đã rõ nét. Học sinh có sự quan tâm đến các sự kiện kinh tế, chính trị của đất nước, có nhu cầu thể hiện quan điểm của bản thân về các vấn đề đó. Với nhu cầu này, học sinh trung học phổ thông không còn đơn thuần chỉ gắn bó với hoạt động học tập mà dần thể hiện dấu hiệu người công dân.
- Các hứng thú liên quan đến đời sống xã hội, các hoạt động xã hội mở rộng. Học sinh ngày nay có thể tham gia vào các nhóm trên mạng rất khác nhau: nhóm bảo vệ môi trường, nhóm cổ động viên thể thao, các diễn đàn về rất nhiều các vấn đề của xã hội. Đây là môi trường thuận lợi cho việc bày tỏ quan điểm, đề xuất các ý tưởng và nhận được sự phản hồi rộng rãi.

Tính tích cực xã hội – được hiểu ở nghĩa rộng với cả chiều hướng tích cực và tiêu cực có thể được thể hiện trong các nhóm xã hội mà học sinh trung học phổ thông tham gia. Có thể đó là các nhóm ủng hộ xã hội: thực hiện các hoạt động với mục đích xã hội tốt đẹp như các nhóm từ thiện, nhóm vì môi trường, nhóm hiến máu nhân đạo. Dạng nhóm này thúc đẩy sự phát triển tích cực của thanh niên, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Tồn tại cả những nhóm khác: các nhóm phi xã hội (về mức độ đóng góp và ý nghĩa đối với sự phát triển của xã hội) như các nhóm cùng vui chơi, giải trí với sự gắn bó bề ngoài mang tính xúc cảm đơn thuần. Các nhóm này có thể coi là trung tính, tuy vậy, có những

nguy cơ nhất định. Nhóm chống đối xã hội: càn quấy, vi phạm trật tự xã hội, say rượu, cờ bạc, cá độ... Các nhóm dạng này thường hình thành ngoài nhà trường (còn gọi là nhóm đường phố) là nguy cơ đối với xã hội, cần được quan tâm để hạn chế.

Học sinh trung học phổ thông rất quan tâm đến các vai xã hội, đặc biệt từ khía cạnh các chuẩn mực hành vi, thái độ của các vai xã hội. Học sinh thường nhìn nhận đánh giá các vai xã hội một cách khá nghiêm khắc và cứng nhắc. Vai xã hội được quan tâm nhiều hơn cả là vai nghề nghiệp tương lai mà họ chọn lựa. Vai người công dân cũng được chú ý. Do tính chất cứng nhắc trong cách nhìn nhận về các vai xã hội mà thanh niên học sinh chưa có được sự linh hoạt khi tham gia các vai. Học sinh thường khó chuyển từ vai này sang vai khác.

Nội dung 5

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TÂM LÝ Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG:
TÍNH DỤC, CĂNG THẲNG TÂM LÝ, LẠM DỤNG CHẤT, CHỐNG ĐỐI
XÃ HỘI, TỰ TỬ...

MỤC TIÊU

Giúp người học tiếp cận với một số vấn đề tâm lý cụ thể đặc trưng ở học sinh trung học phổ thông như vấn đề tính dục, căng thẳng tâm lý... hiểu được các nguyên nhân, từ đó xác định được thái độ đúng và có cách ứng xử thích hợp.

TEST ĐẦU VÀO

Hãy kể lại những trường hợp học sinh trung học phổ thông gặp các vấn đề về tâm lý liên quan đến tính dục, lạm dụng chất, chống đối xã hội hay tự tử mà anh chị biết.

Cách xử lý đã được thực hiện trong các trường hợp đó. Đánh giá của anh (chị) về cách xử lý đó.

Ở bất kì độ tuổi nào cũng có những vấn đề tâm lý cần quan tâm với mức độ và biểu hiện khác nhau. Xác định được những vấn đề cụ thể xuất hiện ở từng độ tuổi giúp người làm công tác giáo dục có được sự chủ động trong việc phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vấn đề khi chúng nảy sinh.

Hoạt động 1. Tính dục ở tuổi trung học phổ thông.

Các nhà tâm lý học khẳng định rằng đa số học sinh trung học phổ thông đã trải qua thời kì dậy thì, tính dục ở các em đang phát triển mạnh và phức tạp. Bằng hiểu biết của mình, bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình về:

- Đặc điểm tính dục của học sinh trung học phổ thông:

- Hậu quả của việc quan hệ tình dục sớm:

- Người lớn cần có thái độ như thế nào đối với các biểu hiện tính dục ở học sinh trung học phổ thông?

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để có thêm hiểu biết về đặc điểm tính dục ở học sinh trung học phổ thông.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Phát dục là quá trình trung tâm của tuổi thiếu niên. Sự tiết hoóc môn androgen gia tăng làm tăng xu hướng tính dục, làm gia tăng sự quan tâm

về tính dục của bản thân. Đây là hiện tượng sinh học – xã hội phức tạp, là sản phẩm của sự tác động của các lực lượng sinh học và lực lượng xã hội. Bước vào tuổi thanh niên, đa số học sinh đã trải qua thời kì dậy thì, do vậy xét về phương diện cơ thể, học sinh đã có sự trưởng thành, tức là đã có khả năng thực hiện chức năng duy trì nòi giống. Xét về phương diện xã hội, sự đồng nhất giới tính (nhận biết giới tính và lĩnh hội được các hành vi tương ứng, hình thành tâm thế và định hướng tâm lý – tính dục) thì vẫn tiếp diễn. Do vậy, hiện tượng tính dục ở tuổi thanh niên học sinh có cả tính chất của cả hai mặt này. Điều đó buộc người lớn, các nhà giáo dục phải có cách nhìn đúng đắn và khách quan. Đặc biệt, khi cuộc sống hiện nay đã đặt ra một loạt các vấn đề đạo đức và thực tiễn liên quan đến đời sống tính dục của học sinh mà nhà trường không thể không quan tâm.

Đối với vấn đề tính dục ở trung học phổ thông có ba mặt cần quan tâm:

- Hành vi tính dục: các cử chỉ, hành vi thể hiện và thực hiện các nhu cầu tính dục (khi nào bắt đầu quan hệ tình dục, các giai đoạn phát triển, cường độ...).
- Các định hướng và tâm thế tính dục: thái độ đối với các vấn đề giới tính, các chuẩn mực đạo đức.
- Các cảm nghiệm và ảo tưởng tính dục.

Các nhà giáo dục quan tâm nhiều đến các chuẩn mực lứa tuổi của hành vi tính dục: khi nào học sinh quan tâm đến vấn đề giới tính, khi nào bắt đầu có quan hệ... không có câu trả lời chung cho các vấn đề này. Có thể có các biến dạng cá thể, các chuẩn văn hoá, các bối cảnh xã hội khác nhau chi phối hiện tượng này ở học sinh. Xu hướng chung hiện nay là vấn đề giới tính và các hành vi quan hệ giới tính ngày càng được bắt đầu sớm hơn. Nguyên nhân của thực trạng này chính là sự trưởng thành sớm hơn về mặt cơ thể và sự phức tạp của các mẫu hành vi tính dục được lan truyền trong các phương tiện thông tin đại chúng.

Hiện tượng trào dâng tình dục ở thanh niên có thể gắn với hiện tượng thủ dâm. Sự chín muồi sinh dục sớm thường gắn với thủ dâm. Đây là phương tiện làm giảm bớt căng thẳng tính dục ở thanh niên do các nguyên nhân sinh lý gây ra. Hiện tượng này có hai mặt: Một mặt có thể coi đây là hiện tượng bình thường do tác động của yếu tố sinh lý và tâm lý (muốn có sự thoả mãn cơ thể, kiểm tra năng lực của bản thân), mặt khác một sự thái quá có thể làm yếu cơ thể và tạo ra các rối nhiễu tâm lý.

Việc cấm đoán thái quá, coi đó là hiện tượng tội lỗi và hu hóng có thể gây ra mặc cảm ở thanh niên học sinh, gây ra sự hoài nghi về giá trị của bản thân. Do vậy, cách ứng xử được coi là phù hợp không phải là nhồi nhét vào đầu óc học sinh rằng đây là hiện tượng không chấp nhận được mà là khéo léo giúp học sinh có thêm các hoạt động, cơ hội giao lưu, các công việc hấp dẫn, từ đó hiện tượng này sẽ dần qua đi.

Hiện tượng tính dục gắn liền với việc lĩnh hội vai trò giới. Mặc dù sự nhận dạng giới tính bắt đầu từ rất sớm, khi trẻ được vài tuổi nhưng đó là sự nhận dạng bề ngoài. Ở tuổi trung học phổ thông, sự nhận dạng vai trò giới mang tính chất tâm lý xã hội sâu sắc hơn. Đó là sự phân cực “đàn ông” – “đàn bà”. Trong đó đàn ông – chủ động hơn và đàn bà – bị động. Bối cảnh xã hội với mức độ bình đẳng giới cao hơn dần xoá bớt sự phân cực, tuy nhiên sự phân cực giới trong hành vi xã hội vẫn tồn tại.

Cùng với quá trình đô thị hoá, gia tốc phát triển, sự du nhập văn hoá ngoại lai, tính tự lập của thanh niên... cuộc sống tình dục, hứng thú tình dục có xu hướng sớm hơn ở thanh niên và cách nhìn nhận về cuộc sống tình dục cũng có phần thoải mái hơn. Nghiên cứu tại các nước châu Âu cho thấy thanh niên ngày nay có thái độ tự do hơn đối với tình dục, dù vậy quan điểm chung của thanh niên vẫn cho rằng lạm dụng tình dục hoặc tình dục ngẫu nhiên là sai trái. Bên cạnh đó, nguyên nhân dẫn đến việc sinh hoạt tình dục lần đầu tiên có thể là do tò mò hoặc muốn khẳng định bản thân. Thái độ đối với vấn đề tình dục phản ánh sự lúng túng của xã hội đối với các chuẩn mực tình dục. Thanh niên có thể nhận được những thông điệp trái ngược nhau về vấn đề này: Một mặt, bố mẹ – thầy cô và nhà trường khuyên học sinh nên nêu cao giá trị của sự trinh trắng, mặt khác phim ảnh và các thông tin cuộc sống lại cho thấy quan hệ tình dục trước hôn nhân là hiện tượng không còn quá hiếm. Điều này đặt thanh niên vào tình huống phải tự mình quyết định và điều khiển hành vi của bản thân. Có sự khác biệt nhất định về thái độ giữa nam và nữ trong vấn đề tình dục. Nữ sinh thường đòi hỏi tình dục và tình yêu gắn liền nhau và mong muốn có sự bền vững trong quan hệ với người yêu đầu tiên khi đã có quan hệ tình dục. Nam sinh thường không muốn có sự ràng buộc và đôi khi không cần tình yêu. Sự khác biệt này có thể làm tổn thương nữ giới và tạo ra sự hiểu lầm giữa hai bên.

Những hậu quả có thể có liên quan đến hoạt động tình dục ở tuổi thanh niên: Đa phần thanh niên khi bắt đầu hoạt động tình dục không biết cách sử dụng các phương tiện tránh thai vì họ không có được các hiểu biết về cơ

chế sinh sản. Mặt khác, do chưa có sự trưởng thành về nhận thức xã hội để hiểu được rằng hành vi của mình có thể tạo ra hậu quả nghiêm trọng và lâu dài, sợ người khác nghĩ rằng mình “có kinh nghiệm” trong quan hệ tình dục nếu sử dụng các phương tiện tránh thai... Tình dục không an toàn sẽ đặt thanh niên trước các nguy cơ bị lây nhiễm các bệnh tình dục, mang thai vị thành niên và sau đó là các hệ lụy lâu dài không thể lường hết.

Đối với vấn đề tình dục ở học sinh trung học phổ thông, cần đoán không phải là biện pháp hữu hiệu. Vấn đề cần tập trung là thuyết phục, giúp học sinh hiểu được các nguy cơ có thể có và ngăn ngừa các hậu quả tiêu cực. Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản hết sức cần thiết trong giai đoạn này. Hiện tượng quan hệ tình dục sớm là điều không mong muốn nhưng khi phải đối mặt với sự gia tăng của xu hướng này thì phải đổi diện với vấn đề này và tìm kiếm cách ứng xử phù hợp, ví dụ như phổ biến kiến thức về tình dục an toàn.

Hoạt động 2. Hiện tượng lạm dụng chất và chống đối xã hội.

Lạm dụng chất (cồn, chất gây nghiện...) là hành vi nguy hiểm đến cá nhân học sinh và gia đình, xã hội. Bạn hãy chỉ ra những yếu tố thúc đẩy học sinh trung học phổ thông có hành vi lạm dụng chất hay chống đối xã hội.

- Những yếu tố thúc đẩy học sinh trung học phổ thông lạm dụng chất:

- Những yếu tố thúc đẩy học sinh trung học phổ thông có hành vi chống đối xã hội:

- Vai trò của người lớn trong việc ngăn ngừa những hành vi trên ở học sinh:

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để có thêm hiểu biết về vấn đề này.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Hiện tượng lạm dụng chất là hiện tượng gắn liền với sự phát triển nhanh và phân hoá xã hội. Thanh niên có thể lạm dụng chất (các chất cồn, chất gây nghiện) có thể vì các nguyên nhân sau:

- Muốn chứng tỏ bản thân là người lớn;
- Bị lôi kéo bởi các nhóm bạn xấu;
- Gặp phải các thất bại trong cuộc sống, có tâm trạng chán nản buồn xuôi, tuyệt vọng...
- Tò mò thú và không có bản lĩnh để dừng lại.

Việc lạm dụng chất đem lại các hậu quả tiêu cực với các mức độ rất khác nhau.

Hành vi chống đối xã hội có thể xuất hiện ở cuối tuổi thiếu niên và bộc lộ ở tuổi thanh niên. Hành vi chống đối xã hội có thể được hiểu là những hành vi đi ngược lại các chuẩn mực hành vi của xã hội, xâm phạm lợi ích người khác và đem lại thiệt hại cho người khác. Nếu hành vi chống đối xã hội diễn ra thường xuyên và khó loại bỏ thì được gọi là rối nhiễu nhân cách chống đối xã hội.

Các hành vi chống đối xã hội thường nảy sinh trong nhóm. Các yếu tố rủi ro cao là hoàn cảnh gia đình như gia đình không đầy đủ (không có cả bố và mẹ), không có sự quan tâm và kiểm soát từ gia đình, các thành viên trong gia đình có các hành vi chống đối xã hội, việc tham gia vào các nhóm bạn xấu...

Hoạt động 3. Căng thẳng tâm lý.

Bằng hiểu biết và kinh nghiệm giáo dục của mình, bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình về những nguyên nhân gây căng thẳng tâm lý ở học sinh trung học phổ thông? Cách thức giảm bớt căng thẳng?

- Những nguyên nhân gây căng thẳng tâm lý:

- Cách thức giảm bớt căng thẳng:

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để có thêm hiểu biết về vấn đề này.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Căng thẳng (stress) là trạng thái tâm lý khá phổ biến ở học sinh trung học phổ thông. Khác với học sinh THCS, stress xuất hiện do các mâu thuẫn hay xung đột trong quan hệ với người lớn, ở tuổi trung học phổ thông stress liên quan chủ yếu đến việc thi đại học và chọn nghề. Những yếu tố cơ bản tham gia vào việc gây ra stress là sức ép của bản thân và của người khác về việc thi đại học và chọn nghề tương lai. Áp lực thi đại học càng gia tăng đối với các lớp cuối cấp, hiện tượng stress càng phổ biến. Trạng thái stress có thể làm học sinh mệt mỏi, mất sức lực về cơ thể, kéo theo đó là sự mất tập trung, không có khả năng duy trì chú ý, hoạt động trí tuệ kém hiệu quả. Quan tâm, chú ý giúp học sinh giải toả stress là rất quan trọng.

Có thể có các cách thức giải toả stress như: giúp học sinh điều chỉnh nhận thức của bản thân, suy nghĩ tích cực, tạo sự tự tin, có kế hoạch học tập hợp lý, không gây sức ép thái quá lên học sinh, thay đổi các hoạt động gây stress.

Hoạt động 4. Hiện tượng tự tử ở học sinh trung học phổ thông.

Chúng ta đã từng nghe, chứng kiến những cảnh đau buồn về học sinh tự tử. Bằng hiểu biết của mình bạn hãy chỉ ra những dấu hiệu có thể có ở học sinh trung học phổ thông có ý định tự tử? Cách ứng xử của người lớn để ngăn chặn?

- Những dấu hiệu có thể có ở học sinh trung học phổ thông có ý định tự tử:

- Cách ứng xử của người lớn để ngăn chặn:

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để có thêm hiểu biết về vấn đề này.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Hiện tượng tự tử đã được quan tâm từ rất lâu trên thế giới vì người tự tử là thanh niên chiếm tỉ lệ lớn. Đối với đa số mọi người, những người không bao giờ có ý nghĩ và hành động tự tử thì tự tử là điều khó có thể hiểu được. Hiện tượng này khá phổ biến ở các nước như Mĩ, Nhật và đã được các nhà nghiên cứu cảnh báo. Ở nước ta gần đây cũng xuất hiện các trường hợp rất đáng tiếc ở học sinh trung học phổ thông. Nhìn chung tự tử ở nữ nhiều hơn nam, tuy nhiên nam thanh niên được cứu sống sau khi tự tử lại ít hơn nữ do các hành vi tự tử của nam thanh niên mang tính bạo lực hơn. Tự tử ở thanh niên phần lớn các trường hợp có thể được coi là sự kêu cứu. Họ sử dụng tự tử như là cách thức để những người khác chú ý, xem xét vấn đề của họ một cách nghiêm túc, hành động tự tử diễn ra theo một xung động nhất thời và hành động kêu cứu ấy rất không may là không thể sửa chữa được. Hiện rất khó có thể nhận biết được những thanh niên có ý định tự sát. Hiện tượng tự tử có thể diễn ra ở mọi giai tầng và ít có sự khu trú ở một nhóm xã hội cụ thể. Tuy nhiên, có thể có

một số biểu hiện không rõ rệt như: những thanh niên có thể tự sát thường bị trầm cảm nghiêm trọng, sử dụng các chất gây nghiện hoặc có hành động chống đối xã hội. Họ thường có quan hệ xấu với bố mẹ, bạn bè hoặc người yêu, có kết quả học tập tồi và không còn quan tâm cũng như hứng thú với các hoạt động giải trí và mọi việc xung quanh. Họ bị phân rã nhân cách và cảm thấy không vượt qua được các vấn đề của bản thân. Nhận biết được các dấu hiệu đáng ngại, bạn bè, xã hội có thể giúp ngăn ngừa hành động tự tử của thanh niên. Một trong các cách thức ngăn ngừa quan trọng là giúp thanh niên bị trầm uất nói ra các vấn đề của họ, quan tâm và chia sẻ các xúc cảm của họ. Nếu thanh niên bày tỏ ý định tự tử thì bạn bè, người lớn cần khuyên giải và chỉ ra cho họ những cách giải quyết vấn đề khác. Cha mẹ cũng cần có thái độ nghiêm túc và chú ý tới những ý định tự tử có thể được thanh niên nói ra theo những cách khác nhau: đe dọa hoặc tự phát. Nên có những sự trợ giúp tâm lý như trị liệu tâm lý khi thanh niên có ý đồ tự tử không thành vì thanh niên vẫn có thể tiếp tục hành vi tự tử nếu vấn đề của họ không được giải quyết.

THỰC HÀNH NỘI DUNG 5

- 1) Tìm kiếm và đề xuất các biện pháp giúp học sinh trung học phổ thông có thể tránh được tình trạng căng thẳng có hại.
- 2) Hãy xây dựng những câu hỏi theo chủ đề quan hệ tình dục ở học sinh trung học phổ thông cho một buổi sinh hoạt ngoại khoá.
- 3) Tìm hiểu hiện tượng lạm dụng chất ở học sinh trong trường của anh chị.

Nội dung 6

HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT

MỤC TIÊU

Củng cố, khắc sâu và vận dụng những kiến thức cơ bản về đặc điểm tâm lý của học sinh trung học phổ thông.

Thảo luận và ghi lại dưới dạng sơ đồ các nội dung trả lời cho những câu hỏi sau đây.

CÂU HỎI

- 1) Thế nào là tính chất mở và sự chuyển đổi vai trò, vị thế trong hoàn cảnh xã hội của học sinh trung học phổ thông?

- 2) Nhận diện về trí tuệ và nhận thức của học sinh như thế nào?
- 3) Những điểm tích cực và tiêu cực trong đời sống tình bạn, tình yêu của học sinh trung học phổ thông?
- 4) Khả năng tự đánh giá của học sinh trung học phổ thông ở mức độ nào? Có đặc điểm gì?
- 5) Định hướng giá trị và định hướng nghề nghiệp thể hiện trong các hoạt động và quan hệ của học sinh trung học phổ thông như thế nào?
- 6) Có những vấn đề tâm lý nào cần chú ý ở học sinh trung học phổ thông hiện nay?

Thực hành 1: Xây dựng Hồ sơ tâm lý của một học sinh trung học phổ thông với các nội dung sau:

- 1) Tên
- 2) Tuổi
- 3) Giới tính
- 4) Hoàn cảnh gia đình:
 - + Bố mẹ: Gia đình đầy đủ hay không đầy đủ? Có bao nhiêu anh (chị) em? Là con thứ mấy?
 - + Trình độ, nghề nghiệp của bố mẹ?
 - + Điều kiện kinh tế, điều kiện sống?
 - + Quan hệ giữa bố – mẹ – con cái?
 - + Sự quan tâm của bố mẹ với con cái?
- 5) Các đặc điểm tiểu sử
 - + Lực học các cấp trước:
 - + Hạnh kiểm:
 - + Các sự kiện đặc biệt trong tiểu sử (tâm lý, sinh lý):
- 6) Trình độ nhận thức – trí tuệ hiện nay
 - + Lực học:
 - + Năng lực nổi trội (so với chính bản thân học sinh) trong một lĩnh vực nào đó:
 - + Hứng thú nhận thức trong lĩnh vực nào:
- 7) Cảm nhận về bản thân: Tự tin hay tự ti trong quan hệ với bạn bè, với giáo viên? Mức độ thể hiện bản thân: mạnh mẽ hay e ngại?
- 8) Quan hệ với bạn bè – tình cảm

9) Xu hướng và ý định chọn nghề

10) Các vấn đề tâm lý

+ Mức độ căng thẳng:

+ Biểu hiện về lạm dụng chất:

+ Biểu hiện về trầm cảm:

NHẬN ĐỊNH CHUNG

- Tính cách, phẩm chất nhân cách, dự báo xu hướng phát triển.
- Nếu cần tiếp cận hoặc tác động, cách tiếp cận và tác động nào là phù hợp.
- Có các vấn đề hoặc các nguy cơ cần quan tâm từ phía người lớn hay không?
- Cần hỗ trợ gì?

THỰC HÀNH 2

Thảo luận với đồng nghiệp và xác định các nguyên tắc làm việc với học sinh trung học phổ thông.



D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục, 2006.
- 2) L.X. Côn, *Tâm lý học thanh niên*, NXB Trẻ TP Hồ Chí Minh, 1987.
- 3) Nguyễn Văn Đồng, *Tâm lý học phát triển*, NXB Chính trị Quốc gia, 2004.
- 4) Dương Thị Diệu Hoa (Chủ biên), *Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Sư phạm, 2007.
- 5) Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục 2001.
- 6) Phan Trọng Ngo, *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, NXB Đại học Sư phạm, 2003.
- 7) A.V. Petróvski, *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Giáo dục, 1982.
- 8) J. Piaget, *Tâm lý học trẻ em và ứng dụng tâm lý học Piaget vào trường học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
- 9) Richard M. Lerner and Laurence Steinberg, *Handbook of Adolescent Psychology*, 2009.
- 10) Muuss, Rolf E, *Theories of Adolescence*. 6 edition. McGraw Hill, 1996.